

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT  
CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2017 ĐẾN NGÀY 30/06/2017**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	02
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	03 - 04
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	05
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	06 - 07
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	08 - 26

---

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Đỗ Hữu Hạ	Chủ tịch
Ông Đỗ Hữu Hậu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên
Ông Đỗ Hữu Hưng	Thành viên
Ông Nguyễn Phú Hiểu	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Vũ Văn Cảnh	Giám đốc
Ông Nguyễn Trung Độ	Phó giám đốc (Từ nhiệm ngày 15/02/2017)

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Vũ Văn Cảnh**  
**Giám đốc**

Ngày 02 tháng 08 năm 2017

Số: 002 /VACO/BCSX.HP

**BÁO CÁO SOÁT XÉT**  
**THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy, được lập ngày 02 tháng 08 năm 2017, từ trang 03 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Trên cơ sở công việc soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có bất kỳ sự kiện nào khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Nguyễn Hồng Hiên**  
**Giám đốc Chi nhánh**  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1117-2013-156-1  
**Thay mặt và đại diện cho**  
**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
**TẠI HẢI PHÒNG**  
*Hải Phòng, ngày 02 tháng 08 năm 2017*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.775.540.164.958</b>	<b>1.753.561.852.568</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>584.946.591.450</b>	<b>509.293.273.804</b>
1. Tiền	111		227.946.591.450	8.001.273.804
2. Các khoản tương đương tiền	112		357.000.000.000	501.292.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>916.989.138.889</b>	<b>858.803.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	916.989.138.889	858.803.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>33.674.312.903</b>	<b>49.211.998.612</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	18.713.290.773	12.609.076.332
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		618.530.000	21.757.460.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		14.342.492.130	14.845.462.280
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>231.095.980.820</b>	<b>320.853.735.874</b>
1. Hàng tồn kho	141		233.165.980.820	320.853.735.874
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.070.000.000)	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>8.834.140.896</b>	<b>15.399.844.278</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.958.333	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.661.697.955	3.465.017.382
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		166.484.608	11.934.826.896
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.257.871.925.073</b>	<b>1.255.943.291.952</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>9</b>	<b>5.777.838.558</b>	<b>6.193.264.098</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221		5.777.838.558	6.193.264.098
- Nguyên giá	222		8.430.479.215	8.307.479.215
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.652.640.657)	(2.114.215.117)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>2.079.090.909</b>	<b>2.079.090.909</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.079.090.909	2.079.090.909
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6</b>	<b>1.250.014.995.606</b>	<b>1.247.652.152.163</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		463.692.595.606	463.692.595.606
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		786.322.400.000	786.322.400.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(2.362.843.443)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>18.784.782</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	18.784.782
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>3.033.412.090.031</b>	<b>3.009.505.144.520</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>86.254.719.100</b>	<b>73.397.812.366</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>86.254.719.100</b>	<b>73.397.812.366</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		1.897.128.600	2.913.468.600
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	10	30.442.282.732	16.176.889.746
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		8.190.909	303.915.661
4. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	11	47.100.096.913	47.087.221.100
5. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		298.716.664	408.013.977
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.508.303.282	6.508.303.282
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>2.947.157.370.931</b>	<b>2.936.107.332.154</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>12</b>	<b>2.947.157.370.931</b>	<b>2.936.107.332.154</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2.747.440.630.000	2.747.440.630.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.747.440.630.000	2.747.440.630.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		139.270.925.591	139.270.925.591
3. Cổ phiếu quỹ	415		(42.082.508.146)	(42.082.508.146)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		19.572.915.034	19.572.915.034
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		82.955.408.452	71.905.369.675
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		71.905.369.675	23.723.685.729
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		11.050.038.777	48.181.683.946
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>3.033.412.090.031</b>	<b>3.009.505.144.520</b>



Bùi Thị Minh Nguyệt  
Người lập biểu

Ngày 02 tháng 08 năm 2017



Hồ Thị Xuân Hòa  
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh  
Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	364.944.363.616	547.436.045.428
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		364.944.363.616	547.436.045.428
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	17	377.009.932.433	474.902.227.956
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		(12.065.568.817)	72.533.817.472
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	30.096.834.011	49.605.057.511
7. Chi phí tài chính	22		(2.362.843.443)	(842.185.560)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	487.500.000
8. Chi phí bán hàng	25	19	1.933.819.641	1.943.212.661
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19	1.862.983.861	2.160.309.644
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		16.597.305.135	118.877.538.238
11. Thu nhập khác	31		1.637.737.205	170.000.000
12. Chi phí khác	32		2.845.324.736	917.239.694
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(1.207.587.531)	(747.239.694)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		15.389.717.604	118.130.298.544
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	20	4.339.678.827	5.336.552.061
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		11.050.038.777	112.793.746.483



Bùi Thị Minh Nguyệt  
Người lập biểu



Hồ Thị Xuân Hòa  
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh  
Giám đốc

Ngày 02 tháng 08 năm 2017

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>15.389.717.604</b>	<b>118.130.298.544</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	538.425.540	530.032.654
Các khoản dự phòng	03	(292.843.443)	(1.140.284.794)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(29.464.979.751)	(49.571.355.911)
Chi phí lãi vay	06	-	487.500.000
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>(13.829.680.050)</b>	<b>68.436.190.493</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	36.443.151.485	13.917.947.762
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	87.687.755.054	17.463.186.623
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	12.856.906.734	1.831.603.124
Tăng/giảm chi phí trả trước	12	12.826.449	(57.404.046)
Tiền lãi vay đã trả	14	-	(487.500.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.339.678.827)	(3.140.936.270)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(241.085.952)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>118.831.280.845</b>	<b>97.722.001.734</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(123.000.000)	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(856.989.138.889)	(820.775.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	798.803.000.000	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(208.000.000.000)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	15.131.175.690	43.602.638.053
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(43.177.963.199)</b>	<b>(985.172.361.947)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	315.000.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	(42.082.508.146)
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(75.000.000.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>197.917.491.854</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>75.653.317.646</b>	<b>(689.532.868.359)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>509.293.273.804</b>	<b>1.043.069.462.202</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60)</b>	<b>70</b>	<b>584.946.591.450</b>	<b>353.536.593.843</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017

Đơn vị: VND



**Bùi Thị Minh Nguyệt**  
Người lập biểu

Ngày 02 tháng 08 năm 2017



**Hồ Thị Xuân Hòa**  
Kế toán trưởng



**Vũ Văn Cảnh**  
Giám đốc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy là Doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0200815578 ngày 10/05/2008 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp và thay đổi lần thứ 12 ngày 20/5/2016.

Vốn điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 là: 2.747.440.630.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HHS.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là: Kinh doanh ô tô con, ô tô tải, cho thuê văn phòng, xây dựng và kinh doanh nhà các loại.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 30/06/2017, Công ty có các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

*Công ty con:*

<b>Tên công ty con</b>	<b>Nơi thành lập và hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ phần sở hữu %</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %</b>	<b>Hoạt động chính</b>
Công ty Cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang	Km9 quốc lộ 5, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	99,78	99,78	Kinh doanh ô tô

*Công ty liên kết:*

<b>Tên công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>Nơi thành lập và hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ phần sở hữu %</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %</b>	<b>Hoạt động chính</b>
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam	Phòng 8B, tầng 8, toà nhà 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng	48,00	48,00	Kinh doanh ô tô
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	79/20/14 Phạm Viêt Chánh, Phường 19, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh	45,45	45,45	Kinh doanh ô tô và bất động sản
Công ty TNHH Pruksa Việt Nam	Phòng AB, tầng 8, toà nhà 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng	46,35	46,35	XD nhà các loại, hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật
Công ty CP phát triển dịch vụ Trường Giang	Km9 quốc lộ 5, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	48,5	48,5	Kinh doanh linh kiện ô tô

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

### **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ TÀI CHÍNH**

#### **Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017.

#### **Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định liên quan đến các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên có liên quan với Công ty bao gồm:

- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy có cổ đông lớn, Thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đồng thời là cổ đông, Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy;
- Các Công ty liên doanh, liên kết ;
- Các thành viên Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị.

### **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

#### **Công cụ tài chính**

##### ***Ghi nhận ban đầu***

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay.

##### ***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### **Các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

##### ***Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết***

##### ***Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

#### **Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)**

##### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

#### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Phương pháp tính giá hàng tồn kho: bình quân gia quyền. Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Theo chính sách kế toán của Công ty: Công ty trích lập dự phòng đối với linh kiện chậm luân chuyển từ 12 tháng đến 18 tháng trích lập dự phòng 40%, từ 18 tháng đến 24 tháng trích lập dự phòng 70%, và 100% đối với các linh kiện chậm luân chuyển trên 24 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Thiết bị quản lý	05
Phương tiện vận tải	08

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

**Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn góp thực góp của các cổ đông, Vốn bổ sung hàng năm từ Lợi nhuận của Công ty và Vốn bổ sung theo các quyết định đầu tư hàng năm của Công ty.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch

tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>30/06/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	739.050.491	502.773.504
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	227.207.540.959	7.498.500.300
Các khoản tương đương tiền (*)	357.000.000.000	501.292.000.000
<b>Cộng</b>	<b>584.946.591.450</b>	<b>509.293.273.804</b>

(\*) Phản ánh các khoản tương đương tiền phản ánh tiền gửi kỳ hạn không quá 03 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần.

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

	<b>30/06/2017</b>		<b>01/01/2017</b>	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<i>Ngắn hạn</i>	916.989.138.889	916.989.138.889	858.803.000.000	858.803.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	916.989.138.889	916.989.138.889	858.803.000.000	858.803.000.000
<b>Cộng</b>	<b>916.989.138.889</b>	<b>916.989.138.889</b>	<b>858.803.000.000</b>	<b>858.803.000.000</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

	01/01/2017			
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con (1)	463.692.595.606	-	463.692.595.606	463.692.595.606
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (2)	786.322.400.000	-	786.322.400.000	783.959.556.557
<b>Cộng</b>	<b>1.250.014.995.606</b>	<b>-</b>	<b>1.250.014.995.606</b>	<b>1.247.652.152.163</b>

(1) Đầu tư vào công ty con

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính		Tỷ lệ biểu quyết %	Tỷ lệ sở hữu %
		Kinh doanh ô tô và xe có động cơ			
Công ty cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang	Km 9, Quốc lộ 5, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng			99.78	99.78

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(2) Đầu tư vào công ty liên kết

	30/06/2017		01/01/2017	
	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam	28.800.000	288.000.000.000	28.800.000	288.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	10.000.000	100.000.000.000	10.000.000	100.000.000.000
Công ty TNHH Prukxa Việt Nam	-	262.522.400.000	-	262.522.400.000
Công ty CP phát triển dịch vụ Trường Giang	13.580.000	135.800.000.000	13.580.000	135.800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>786.322.400.000</b>	<b>-</b>	<b>786.322.400.000</b>

Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết tại ngày 30/06/2017 như sau :

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam	Phòng 8B, tầng 8, toà nhà 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng	48,00	48,00	Kinh doanh ô tô
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	79/20/14 Phạm Viết Chánh, Phường 19, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh	45,45	45,45	Kinh doanh ô tô và bất động sản
Công ty TNHH Prukxa Việt Nam	Phòng AB, tầng 8, toà nhà 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng	46,35	46,35	XD nhà các loại, hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật
Công ty CP phát triển dịch vụ Trường Giang	Km9 quốc lộ 5, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	48,5	48,5	Kinh doanh linh kiện ô tô

**7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>18.713.290.773</b>	<b>12.609.076.332</b>
Các đại lý	16.908.290.773	12.609.076.332
Khách hàng lẻ	1.805.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>18.713.290.773</b>	<b>12.609.076.332</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**8. HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	26.031.554.287	(2.070.000.000)	93.414.197.135	-
Công cụ, dụng cụ	18.240.000	-	-	-
Chi phí SXKD DD	-	-	4.725.670.981	-
Thành phẩm	-	-	16.894.042.147	-
Hàng hóa	83.956.377.747	-	51.559.438.205	-
Hàng gửi bán	123.159.808.786	-	154.260.387.406	-
<b>Cộng</b>	<b>233.165.980.820</b>	<b>(2.070.000.000)</b>	<b>320.853.735.874</b>	<b>-</b>

**9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>			
Tại 01/01/2017	7.964.262.417	343.216.798	8.307.479.215
Mua trong kỳ	-	123.000.000	123.000.000
Tại 30/06/2017	7.964.262.417	466.216.798	8.430.479.215
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại 01/01/2017	1.852.311.396	261.903.721	2.114.215.117
Khấu hao trong kỳ	525.686.832	12.738.708	538.425.540
Tại 30/06/2017	2.377.998.228	274.642.429	2.652.640.657
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2017	6.111.951.021	81.313.077	6.193.264.098
Tại 30/06/2017	5.586.264.189	191.574.369	5.777.838.558

**10. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>	30.442.282.732	16.176.889.746
Các đại lý	29.927.052.732	16.076.889.746
Khách hàng lẻ	515.230.000	100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>30.442.282.732</b>	<b>16.176.889.746</b>

**11. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<i>Ngắn hạn</i>	47.100.096.913	47.087.221.100
Công ty TNHH Pruksa International (*)	47.074.020.000	47.074.020.000
Các khoản phải trả khác	26.076.913	13.201.100
<b>Cộng</b>	<b>47.100.096.913</b>	<b>47.087.221.100</b>

(\*) Công ty TNHH Pruksa International đã ứng 2.261.000 USD (tương đương với 47.074.020.000 VND) cho công ty để triển khai dự án nhà ở dành cho người có thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng, Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**12. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Tại 01/01/2016</b>	<b>2.330.904.280.000</b>	<b>124.532.011.543</b>	-	<b>19.572.915.034</b>	<b>140.260.035.729</b>	<b>2.615.269.242.306</b>
Tăng vốn trong năm	300.000.000.000	15.000.000.000	-	-	-	315.000.000.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	116.536.350.000	-	-	-	(116.536.350.000)	-
(Tặng) cổ phiếu quỹ	-	-	(42.082.508.146)	-	-	(42.082.508.146)
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(107.896.940.440)	(107.896.940.440)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	156.078.624.386	156.078.624.386
Giảm khác	-	(261.085.952)	-	-	-	(261.085.952)
<b>Tại 01/01/2017</b>	<b>2.747.440.630.000</b>	<b>139.270.925.591</b>	<b>(42.082.508.146)</b>	<b>19.572.915.034</b>	<b>71.905.369.675</b>	<b>2.936.107.332.154</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	11.050.038.777	11.050.038.777
<b>Tại 30/06/2017</b>	<b>2.747.440.630.000</b>	<b>139.270.925.591</b>	<b>(42.082.508.146)</b>	<b>19.572.915.034</b>	<b>82.955.408.452</b>	<b>2.947.157.370.931</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**12. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**Vốn điều lệ**

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh là 2.747.440.630.000 đồng, danh sách cổ đông lớn tại thời điểm ngày 22/02/2017 như sau:

	Tại 22/02/2017		01/01/2017	
	VND	%	VND	%
Công ty CP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	1.004.893.340.000	36,58	1.004.893.340.000	36,58
Ông Đỗ Hữu Hạ	148.000.000.000	5,39	48.000.000.000	1,75
Cổ đông khác	1.594.547.290.000	58,03	1.694.547.290.000	61,67
<b>Cộng</b>	<b>2.747.440.630.000</b>	<b>100</b>	<b>2.747.440.630.000</b>	<b>100</b>

**Cổ phiếu**

	30/06/2017 (Cổ phiếu)	01/01/2017 (Cổ phiếu)
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	274.744.063	274.744.063
- Số lượng cổ phiếu phổ thông	274.744.063	274.744.063
- Số lượng cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	269.744.063	269.744.063

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**13. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	30/06/2017	01/01/2017
Ngoại tệ (USD)	2.016,33	2.989,30

**14. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia không bao gồm 16.571.438.089 đồng là khoản tiền lãi tiền gửi chưa thu được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**15. BÁO CÁO THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Công ty có trụ sở hoạt động tại thành phố Hải Phòng và cung cấp hàng hóa cho khách hàng thuộc 3 miền bao gồm miền Bắc, miền Trung, miền Nam. Báo cáo bộ phận được lập cho kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 như sau:

Chỉ tiêu	Miền Bắc VND	Miền Trung VND	Miền Nam VND	Cộng VND
<b>1. Doanh thu thuần</b>	<b>128.024.090.901</b>	<b>42.187.090.906</b>	<b>194.733.181.809</b>	<b>364.944.363.616</b>
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	128.024.090.901	42.187.090.906	194.733.181.809	364.944.363.616
<b>2. Giá vốn</b>	<b>124.282.932.342</b>	<b>45.221.109.149</b>	<b>205.435.890.942</b>	<b>374.939.932.433</b>
Giá vốn của hàng hóa thành phẩm đã bán	124.282.932.342	45.221.109.149	205.435.890.942	374.939.932.433
<b>3. Lợi nhuận gộp</b>	<b>3.741.158.559</b>	<b>(3.034.018.243)</b>	<b>(10.702.709.133)</b>	<b>(9.995.568.817)</b>
LN gộp của hàng hóa, thành phẩm	3.741.158.559	(3.034.018.243)	(10.702.709.133)	(9.995.568.817)

Các tài sản của Công ty được sử dụng tại trụ sở chính của Công ty nên Công ty không phân bổ cho từng khu vực địa lý.

**Báo cáo bộ phận thứ yếu - theo lĩnh vực kinh doanh**

Trong kỳ, Công ty chỉ kinh doanh ô tô các loại, do đó không có báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh.

**16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	364.944.363.616	547.403.636.338
Doanh thu cung cấp dịch vụ, linh kiện	-	32.409.090
<b>Cộng</b>	<b>364.944.363.616</b>	<b>547.436.045.428</b>

**17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Giá vốn bán hàng, thành phẩm	374.939.932.433	474.600.922.062
Giá vốn cung cấp dịch vụ, linh kiện	-	30.090.328
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.070.000.000	271.215.566
<b>Cộng</b>	<b>377.009.932.433</b>	<b>474.902.227.956</b>

**18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lãi tiền gửi	29.464.979.751	26.512.760.305
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	23.058.595.606
Lãi chênh lệch tỷ giá	631.854.260	33.701.600
<b>Cộng</b>	<b>30.096.834.011</b>	<b>49.605.057.511</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**19. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
<b><i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</i></b>	<b><i>1.862.983.861</i></b>	<b><i>2.160.309.644</i></b>
Chi phí nhân viên	459.803.943	564.179.400
Chi phí khấu hao TSCĐ	479.266.754	470.873.866
Các khoản chi phí QLDN khác	923.913.164	1.125.256.378
<b><i>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh</i></b>	<b><i>1.933.819.641</i></b>	<b><i>1.943.212.661</i></b>
Chi phí khấu hao TSCĐ	59.158.786	59.158.788
Chi phí nhân viên	202.679.943	1.089.857.800
Chi phí đại lý bán hàng	886.000.000	-
Chi phí khác	785.980.912	794.196.073

**20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
<b><i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại</i></b>		
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>15.389.717.604</b>	<b>118.130.298.544</b>
Hoạt động chính	15.389.717.604	69.800.442.993
Hoạt động khác	-	48.329.855.551
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>2.362.843.443</b>	<b>(23.058.595.606)</b>
<b>Hoạt động chính</b>	<b>3.750.106.940</b>	<b>1.121.114.468</b>
Trừ: Hoàn nhập dự phòng	(2.362.843.443)	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	6.112.950.383	1.121.114.468
<b>Hoạt động khác</b>	<b>2.362.843.443</b>	<b>(21.647.095.246)</b>
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	2.362.843.443	(23.058.595.606)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	1.411.500.360
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>21.502.667.987</b>	<b>97.894.703.658</b>
Hoạt động chính	19.139.824.544	71.211.943.353
Hoạt động khác	2.362.843.443	26.682.760.305
<b>Thuế suất thông thường</b>	<b>20%</b>	<b>20%</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>4.300.533.598</b>	<b>19.578.940.732</b>
Hoạt động chính	3.827.964.909	14.242.388.671
Hoạt động khác	472.568.689	5.336.552.061
Miễn thuế theo ưu đãi	-	(14.242.388.671)
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay</b>	<b>3.827.964.909</b>	<b>-</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành năm trước</b>	<b>511.713.918</b>	<b>-</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>4.339.678.827</b>	<b>5.336.552.061</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, giá mua hàng	250.865.872.596	190.453.424.550
Chi phí nhân công	216.462.000	194.322.400
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác	-	66.818.181
<b>Cộng</b>	<b>251.082.334.596</b>	<b>190.714.565.131</b>

**22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	584.946.591.450	509.293.273.804
Phải thu khách hàng, phải thu khác	33.055.782.903	27.454.538.612
Đầu tư tài chính ngắn hạn	916.989.138.889	858.803.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	1.250.014.995.606	1.247.652.152.163
<b>Cộng</b>	<b>2.785.006.508.848</b>	<b>2.643.202.964.579</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	48.997.225.513	50.000.689.700
Công nợ tài chính khác	298.716.664	408.013.977
<b>Cộng</b>	<b>49.295.942.177</b>	<b>50.408.703.677</b>

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính giữa niên độ Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính giữa niên độ Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH ( Tiếp theo)**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

***Quản lý rủi ro tỷ giá***

Công ty thực hiện phần lớn giao dịch mua hàng hóa có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

***Quản lý rủi ro lãi suất***

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

***Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu***

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

***Quản lý rủi ro về giá hàng hóa***

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

***Rủi ro tín dụng***

Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào bởi vì các khoản phải vay áp dụng lãi suất cố định

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 - 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Tại 30/06/2017</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	584.946.591.450	-	584.946.591.450
Phải thu khách hàng và phải thu khác	33.055.782.903	-	33.055.782.903
Đầu tư tài chính ngắn hạn	916.989.138.889	-	916.989.138.889
Đầu tư tài chính dài hạn	-	1.250.014.995.606	1.250.014.995.606
<b>Cộng</b>	<b>1.534.991.513.242</b>	<b>1.250.014.995.606</b>	<b>2.785.006.508.848</b>
<b>Tại 30/06/2017</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	48.997.225.513	-	48.997.225.513
Công nợ tài chính khác	298.716.664	-	298.716.664
<b>Cộng</b>	<b>49.295.942.177</b>	<b>-</b>	<b>49.295.942.177</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>1.485.695.571.065</b>	<b>1.250.014.995.606</b>	<b>2.735.710.566.671</b>
<b>Tại 01/01/2017</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	509.293.273.804	-	509.293.273.804
Phải thu khách hàng và phải thu khác	27.454.538.612	-	27.454.538.612
Đầu tư tài chính ngắn hạn	858.803.000.000	-	858.803.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	1.247.652.152.163	1.247.652.152.163
<b>Cộng</b>	<b>1.395.550.812.416</b>	<b>1.247.652.152.163</b>	<b>2.643.202.964.579</b>
<b>Tại 01/01/2017</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	50.000.689.700	-	50.000.689.700
Công nợ tài chính khác	408.013.977	-	408.013.977
<b>Cộng</b>	<b>50.408.703.677</b>	<b>-</b>	<b>50.408.703.677</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>1.345.142.108.739</b>	<b>1.247.652.152.163</b>	<b>2.592.794.260.902</b>

Ban giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn

**23. THÔNG TIN KHÁC**

Tại thời điểm 03/01/2017, công ty không còn đáp ứng được điều kiện miễn giảm thuế cho “Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật” theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND ngày 22/12/2008 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng, do đó Công ty không được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp kể từ ngày 01/01/2017.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN**

**Danh sách các bên liên quan:**

**Bản chất bên liên quan**

Công ty CP Đầu tư DV TC Hoàng Huy	Cùng cổ đông lớn và thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang	Công ty con
Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH Prukca Việt Nam	Công ty liên kết

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</u> VND	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</u> VND
<b>Công ty CP đầu tư DV TC Hoàng Huy</b>		
Mua hàng hóa, dịch vụ	19.694.636.364	19.173.900.000
<b>Công ty Cổ phần phát triển DV Hoàng Giang</b>		
Nhận cổ tức bằng tiền	-	38.316.000.000
Bán hàng hóa, dịch vụ	-	-
<b>Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp</b>		
Ứng trước tiền hàng	-	100.000.000
<b>Công ty Cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam</b>		
Góp vốn	-	208.000.000.000
<b>Công ty TNHH Prukca Việt Nam</b>		
Chi phí khác	-	762.519.765

Số dư với các bên liên quan:

	<u>30/06/2017</u> VND	<u>01/01/2017</u> VND
<b>Công ty CP đầu tư DV TC Hoàng Huy</b>		
Phải trả thương mại	392 100 000	1.486.000.000
<b>Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp</b>		
Ứng trước tiền hàng	100.000.000	100.000.000

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</u> VND	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</u> VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	71.720.000	155.400.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**25. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh được thu thập từ Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 31/12/2016 và báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 đã được soát xét.



**Bùi Thị Minh Nguyệt**  
Người lập biểu

Ngày 02 tháng 08 năm 2017



**Hồ Thị Xuân Hòa**  
Kế toán trưởng



**Vũ Văn Cảnh**  
Giám đốc